ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09 /2018/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 66 /TTr-STC ngày 08 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài chính tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TV UBND tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Sở Tài chính (03), nknguyen. 85

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Vũ Hồng

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 12.06.2018 09:54:02 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư trong nước trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa, việc áp dụng các chính sách ưu đãi được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thục đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thuộc danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các dự án xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở thực hiện xã hội hóa phải có cam kết bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đúng mục đích, có hiệu quả.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

Điều 3. Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

Chính sách về cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Chính sách về đất đai

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 2 Quy định này được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất trong suốt thời hạn được thuê đất của dự án, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều này.

2. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thuộc đối tượng, phạm vi quy định tại Điều 1 và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này được hưởng mức miễn giảm tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa của tỉnh quy định tại Quy định này như sau:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản như sau:

- Miễn tiền thuê đất 11 năm đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Miễn tiền thuê đất 15 năm đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn huyện Phú Quốc;

- Miễn tiền thuê đất hàng năm hoặc miễn tiền thuê đất trả một lần đối với dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các huyện, thị xã còn lại.

Trường hợp dự án nằm trên địa bàn liên huyện thì việc miễn, giảm tiền thuê đất được tính theo tỉ lệ diện tích sử dụng đất của dự án trên địa bàn từng huyện.

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được khấu trừ tiền thuê đất phải nộp (nếu có), trường hợp khấu trừ không hết thì phần còn lại sẽ được đưa vào chi phí của dự án.

Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được nhà nước giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc được giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định tại pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất. Trường hợp chuyển sang thuê đất thì không phải nộp tiền thuê đất trong thời hạn đã được giao đất.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà nhà nước không yêu cầu nộp tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không phải hoàn trả nhà nước số tiền này.

4. Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định theo giá đất của mục đích sử dụng đất nhận chuyển nhượng tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không vượt quá tiền bồi thường, hỗ trợ tương ứng với trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này, cụ thể:

a) Trường hợp được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian của dự án thì số tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được tính vào chi phí đầu tư của dự án.

b) Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê mà phải nộp toàn bộ hoặc một phần tiền thuê đất thì khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ (-) vào số tiền thuê đất phải nộp; mức trừ không vượt quá số tiền thuê đất phải nộp. Nhà đầu tư được tính vào chi phí đầu tư của dự án phần chênh lệch tăng giữa số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất so với số tiền được trừ vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn thuê đất trả tiền hàng năm mà phải nộp tiền thuê đất theo quy định thì khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy đổi ra thời gian đã hoàn thành việc nộp tiền thuê đất; mức quy đổi không quá số thời gian phải nộp tiền thuê đất của dự án. Số tiền còn lại (chưa được quy đổi nếu có) được tính vào chi phí đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật.

Việc xác định giá đất theo mục đích trước và sau khi chuyển mục đích sử dụng đất để tính tiền thuê đất và khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận quyền sử dụng đất vào tiền thuê đất phải nộp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa trên cùng một địa điểm thì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đất đai.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc bị giải thể hoặc chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được thuê cho nhà

nước. Việc xử lý đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích lần đầu thì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản tiền sau:

- Tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất sai mục đích theo giá đất và chính sách thu tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho thuê đất.

- Khoản tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b) Trường hợp sau khi bị phạt vi phạm hành chính về đất đai mà cơ sở thực hiện xã hội hóa vẫn tiếp tục sử dụng đất không đúng mục đích thì nhà nước thực hiện thu hồi đất; nhà nước không hoàn trả phần tiền thuê đất đã nộp của thời gian thuê đất còn lại (nếu có) và không bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất của dự án bị thu hồi.

7. Tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và các quyền về đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa:

a) Khi được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất; không được thừa kế, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê.

b) Khi được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất trong một số năm thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất theo số tiền thuê đất đã nộp vào giá trị tài sản của dự án đầu tư. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền thuê đất; thừa kế, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê trong phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với số tiền thuê đất phải nộp của thời gian nộp tiền thuê đất. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thực hiện các quyền trên kể từ thời điểm thực hiện nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Chính sách ưu đãi tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Quy định này được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước; Nghị

định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013, Nghị định số 133/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa và Thể thao; Du lịch; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, giải thể và quản lý hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa. Đề xuất, phê duyệt theo thẩm quyền phương án chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở công lập, bán công thuộc ngành, cấp quản lý;

b) Chủ trì tổ chức thẩm tra cấp Giấy xác nhận cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện hưởng các cơ chế chính sách ưu đãi;

c) Thực hiện quản lý nhà nước và thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

d) Xác định, tổng hợp nhu cầu kinh phí giải phóng mặt bằng và đề xuất nguồn vốn thực hiện để tạo quỹ đất thực hiện dự án xã hội hóa trình UBND tỉnh xem xét quyết định (thông qua Sở Tài chính).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả, đề xuất xử lý và theo dõi việc xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Sở Xây dựng

a) Cung cấp các thông tin về quy hoạch xây dựng liên quan đến các dự án xã hội hóa; hướng dẫn các quy trình, hồ sơ thủ tục về thỏa thuận quy hoạch; thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết theo thẩm quyền các dự án xã hội hóa.

b) Tổ chức cấp giấy phép xây dựng cho dự án xã hội hóa theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng của dự án.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án xã hội hóa theo quy định;

b) Hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan tới việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa theo thẩm quyền;

c) Kiểm tra việc thực hiện các dự án xã hội hóa đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, dự án đã lựa chọn chủ đầu tư và kiểm tra đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án; đề xuất xử lý và theo dõi việc xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư.

5. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan: Hướng dẫn về công tác quản lý tài chính đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê ưu đãi theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính

a) Phối hợp với các sở chuyên ngành hướng dẫn chế độ, chính sách đối với người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Chủ trì với các sở quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi và quản lý hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để xác định và tổng hợp nhu cầu kinh phí giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thực hiện dự án xã hội hóa và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

6. Cục Thuế tỉnh: Hướng dẫn các chính sách thuế liên quan đến cơ sở thực hiện xã hội hóa; quy trình thủ tục cấp mã số thuế; quản lý sử dụng hóa đơn chứng từ; kê khai, nộp thuế; và thủ tục miễn giảm thuế, miễn giảm tiền thuê đất; thanh tra, kiểm tra việc kê khai nộp thuế và chấp hành chính sách thuế của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành và xây dựng kế hoạch xã hội hóa cụ thể của địa phương; xây dựng quy hoạch quỹ đất sử dụng trong các hoạt động xã hội hóa;

b) Chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để giao đất cho chủ đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa có trách nhiệm lập báo cáo giải trình kinh tế, kỹ thuật, đáp ứng điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực đầu tư và cam kết thực hiện đúng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016; và đúng tiến độ đưa dự án đầu tư vào hoạt động gửi các cơ quan quản lý chuyên ngành xem xét thẩm tra;

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đưa dự án đi vào hoạt động đúng tiến độ, tuân thủ theo điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện công khai mức thu phí, giá dịch vụ theo từng dịch vụ, công khai hoạt động, công khai tài chính theo quy định của pháp luật, công khai mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động và tài chính của cơ sở gửi cơ quan quản lý ngành, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan thuế cùng cấp theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án xã hội hóa đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được xử lý chuyển tiếp về chính sách ưu đãi như sau:

a) Trường hợp chính sách ưu đãi đã được ghi trong quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cao hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì dự án tiếp tục được hưởng theo các chính sách đó cho thời gian còn lại;

b) Trường hợp chính sách ưu đãi đã được ghi trong quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thấp hơn chính sách ưu đãi tại Quyết định này thì được điều chỉnh theo Quyết định này cho thời gian còn lại;

c) Đối với các trường hợp thực hiện theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không điều chỉnh theo Quy định này.

d) Đối với các trường hợp giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc giảm tiền sử dụng đất và đã nộp tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định tại pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất. Trường hợp chuyển sang thuê đất thì không phải nộp tiền thuê đất trong thời hạn đã được giao đất;

đ) Đối với trường hợp đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép được hưởng chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà nhà nước không yêu cầu nộp tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không phải hoàn trả nhà nước số tiền này.

e) Đối với các cơ sở ngoài công lập được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP phải đăng ký với cơ quan cấp phép hoạt động và cơ quan thuế để tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi tại Quy định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án xã hội hóa không được đề cập trong quy định tại Quy định này (bao gồm các ưu đãi đầu tư khác) thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại các Nghị định: Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 và các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Phạm Vũ Hồng

KIÊN GIANG